|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS NGUYỄN DU**  **NHÓM: NGỮ VĂN** | **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I**  **MÔN: NGỮ VĂN 6** |

**NỘI DUNG ÔN TẬP**

**A. VĂN BẢN**

**I. Các dạng câu hỏi:**

1. Nêu khái niệm, nội dung, nghệ thuật, mục đích sáng tác của các thể loại: Truyền thuyết, Cổ tích, Ngụ ngôn, Truyện cười. So sánh điểm giống và khác nhau giữa các thể loại.

2. Trình bày nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa của các văn bản đã học và đọc thêm ở bốn thể loại truyện dân gian.

3. Hiểu được ý nghĩa các chi tiết tưởng tượng, kì ảo và các đồ vật thần kì trong các văn bản truyền thuyết và cổ tích.

4. Đọc các doạn văn hay trong các văn bản, nắm nội dung, ý nghĩa, xác định các yếu tố ngữ pháp (từ, nghĩa của từ, cụm từ) và viết cảm nhận về các đoạn văn đó.

**II. Truyện dân gian**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Thể loại*** | | ***Truyền thuyết*** | | ***Cổ tích*** |
| ***Giống*** | | - Là truyện dân gian  - Thường có yếu tố tưởng tượng, kì ảo (hoang đường). | | |
| ***Khác*** | ***Nội dung*** | - Kể về nhân vật, sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ. | - Kể về một số kiểu nhân vật quen thuộc: bất hạnh, dũng sĩ ,…  - Kết thúc thường có hậu. | |
| ***Mục đích sáng tác*** | - Thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện, nhân vật lịch sử. | - Thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về chiến thắng của cái thiện đối với cái ác, cái tốt đối với cái xấu, sự công bằng đối với bất công. | |
| ***Văn bản*** | | - Thánh Gióng  - Sơn Tinh, Thủy Tinh | - Thạch Sanh  - Em bé thông minh | |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Thể loại*** | | ***Ngụ ngôn*** | | ***Truyện cười*** |
| ***Giống*** | | - Là truyện dân gian  - Kết cấu ngắn gọn, chặt chẽ. | | |
| ***Khác*** | ***Nghệ thuật*** | - Có thể kể bằng văn xuôi hoặc văn vần.  - Nhân vật là loài vật, đồ vật được nhân hóa, cũng có thể là chính con người.  - Sử dụng cách nói bóng gió. | - Sử dụng yếu tố gây cười (những hiện tượng trái tự nhiên). | |
| ***Mục đích sáng tác*** | · Khuyên nhủ, răn dạy một bài học nào đó trong cuộc sống. | · Tạo tiếng cười mua vui, phê phán thói hư, tật xấu trong xã hội. | |
| ***Văn bản*** | | 1. Ếch ngồi đáy giếng: *Phải biết mởi rộng tầm hiểu biêt, không được chủ quan , kiêu ngạo.*  2. Thầy bói xem voi: *Xem xét, đánh giá sự vật, sự việc phải toàn diện.* | · Treo biển: *Phê phán những người thiếu chủ kiến, không biết suy xét.* | |

**III. Truyện trung đại**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Mục đích*** | Giáo huấn |
| ***Nghệ thuật*** | · Kể bằng văn xuôi chữ Hán  · Cốt truyện đơn giản  · Nhân vật được miêu tả qua ngôn ngữ trực tiếp của người kể chuyện hoặc ngôn ngữ đối thoại, hành động của nhân vật. |
| ***Văn bản*** | - Con hổ có nghĩa  - Mẹ hiền dạy con  - Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng |

**B. TIẾNG VIỆT**

**1) Viết đoạn văn ngắn**

- Số câu: từ 5 đến 7 câu, có thể kết hợp kiến thức ngữ pháp phù hợp ở phần này (gạch chân, chú thích rõ ràng từ, cụm từ)

- Chủ đề: gia đình, nhà trường, bạn bè, phẩm chất đạo đức, môi trường, giao tiếp, ứng xử…

**2) Nội dung ôn tập**

- Nghĩa của từ: nghĩa gốc (đau chân), nghĩa chuyển (chân cầu)

- Từ - cụm từ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Từ đơn – chỉ có một tiếng | *Trường, lớp,…* |
| **Phân loại theo cấu tạo** | Từ phức – hai tiếng trở lên | Từ ghép: giữa các tiếng có quan hệ về nghĩa: *thầy, cô, trường lớp,…* |
|  |  | Từ láy: giữa các tiếng có quan hệ về mặt âm thanh: *mênh mông, ngoan ngoãn,…* |
| **Phân loại theo nguồn gốc** | Từ Thuần Việt | Do nhân dân ta sáng tạo: ***cha mẹ, sông núi,…*** |
|  | Từ mượn | Mượn ngôn ngữ các nước, quan trọng nhất là từ mượn tiếng Hán***: Phụ mẫu, giang sơn,…*** |
| **Phân loại theo vai trò, chức năng ngữ pháp** | Danh từ - cụm danh từ | ***Học sinh***– một ***học sinh*** giỏi của lớp tôi |
|  | Động từ - cụm động từ | ***Học*** – đang ***học*** ngữ văn |
|  | Tính từ - cụm tính từ | ***Trẻ***- vẫn ***trẻ***như ngày nào |
|  | Số từ | ***Một***bài tập (chỉ số lượng); bài tập số ***một*** (chỉ thứ tự) |
|  | Lượng từ | ***Những*** học sinh (chỉ tập hợp)  ***Tất cả*** học sinh (chỉ tập thể)  ***Mỗi*** học sinh (chỉ phân phối) |
|  | Chỉ từ | Học sinh ***ấy*** (xác định vị trí của sự vật trong không gian)  Năm học ***ấy*** (xác định vị trí sự vật trong thời gian) |

**C. TẬP LÀM VĂN: Văn tự sự**

\* Thể loại: Kể chuyện đời thường

\* Kiểu bài:

- Kể những câu chuyện hàng ngày xảy ra xung quanh chúng ta.

- Kể chuyện đời thường : là kể lại những chuyện mình đã gặp, từng trải qua để lại nhiều ấn tượng cảm xúc nhất định.

\* Lưu ý:

. Dùng ngôi kể phù hợp để kể chuyện.

. Kết hợp tả, biểu cảm trong quá trình kể sự việc.

. Cần lựa chọn từ ngữ sử dụng cho phù hợp với thời gian câu chuyện.

. Bố cục bài đủ 3 phần và nhớ xây dựng đoạn văn theo sự việc trong phần thân bài.

. Đọc kĩ các văn bản đã học.

. Khi kể bằng lời nhân vật, các em nhớ xưng “tôi”, hoặc “ta”.

**Đề bài luyện tập:**

- Đề 1:Hãy kể về một lần em mắc lỗi.

- Đề 2: Kể về một người mà em yêu quý nhất.